TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 05 – 9 - 2023
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Bà Nguyễn Thị Hoè

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 85/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1162/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang H, sinh năm 1983

Địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; hiện trú tại: Số 643, khu 6, đường Zhang hua, quận Tương Sơn, thành phố Tân Trúc, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà chị Nguyễn Thị Q (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn và anh Trần Quang H (viết tắt là bị đơn) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30 tháng 6 năm 2006. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau gần 08 năm nhưng trong thời gian này phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, hai bên không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống

ly thân không quan tâm đến nhau. Năm 2015, bị đơn đi lao động tại Đài Loan, không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung Trần Thị Nhật A, sinh ngày 10/5/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 13/8/2011; hiện đang sống với nguyên đơn; sau khi ly hôn nguyên đơn xin được nuôi con và không yêu cầu bị đơn đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Nguyên đơn thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo Thông báo số 18219/QLXNC – P5 ngày 31/8/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thì anh Trần Quang H đã xuất cảnh 3 lần và lần gần nhất ngày 12/5/2019 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, xin được nuôi con chung con chung và không yêu cầu bị đơn góp tiền nuôi con.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Trần Quang H; Giao cho nguyên đơn nuôi hai con chung Trần Thị Nhật A, sinh ngày 10/5/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 13/8/2011, chấp nhận việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn gđóng góp tiền nuôi con; tài sản chung và nợ không có nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Q làm đơn xin ly hôn anh Trần Quang H đang cư trú, lao động tại Đài Loan. Theo Thông báo số 18219/QLXNC – P5 ngày 31/8/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thì anh Trần Quang H đã xuất cảnh lần gần nhất ngày 12/5/2019 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ

hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn anh Trần Quang H. Cụ thể, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã gửi các văn bản tố tụng trực tiếp cho bị đơn và Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan theo quy định của pháp luật (qua đường bưu chính). Tòa án đã Thông báo về việc giải quyết vụ án cho bị đơn trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và trên canh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam. Ngày 09/5/2023 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được bản tự khai của anh H có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan ngày 15/3/2023; theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Quang H yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30 tháng 6 năm 2006 đây là hôn nhân hợp. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau được 08 năm nhưng trong thời gian này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Năm 2015 bị đơn đi lao động tại Đài Loan không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn bị đơn; Tại bản tự khai ngày 15/3/2023 của anh Trần Quang H (có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan) cũng thừa nhận anh chị có nhiều mâu thuẫn nên anh H cũng nhất trí ly hôn chị Q. Hội đồng xét xử thấy anh chị hiện không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được anh chị đều nhất trí ly hôn, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Quang H được ly hôn.

[5] Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà nguyên đơn thừa nhận có 02 con chung với bị đơn là Trần Thị Nhật A, sinh ngày 10/5/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 13/8/2011; hiện đang ở với nguyên đơn, tại Bản tự khai ngày 15/3/2023 bị đơn thừa nhận có hai con như nguyên đơn trình bày; sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bị đơn góp tiền nuôi con, bị đơn đề nghị xem xét theo nguyện vọng của hai con. Hội đồng xét xử thấy bị đơn đang ở nước ngoài không có điều kiện nuôi con nên chấp nhận nguyện vọng này của nguyên đơn và cần buộc bị đơn đóng góp tiền nuôi con chung cùng nguyên đơn mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hai cháu A và H lần lượt tròn 18 tuổi.

[6] Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 5.000.000 đồng chi phí tố tụng. Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 474, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Trần Quang H.

2. Giao chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai con chung Trần Thị Nhật A, sinh ngày 10/5/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 13/8/2011; buộc anh Trần Quang H phải góp tiền nuôi con chung với chị Q mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi hai cháu A và H lần lượt tròn 18 tuổi.

3. Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 5.000.000 đồng chi phí tố tụng, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005037 ngày 03/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (chị Q đã nộp đủ tiền án phí và tiền chi phí tố tụng). Anh Trần Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Nguyễn Thị Q có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/6/2023. Anh Trần Quang H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa